

Số: **1577** / ĐHHHVN-TCHC
V/v công khai, rà soát danh sách đề nghị
nâng bậc lương thường xuyên 6 tháng
cuối năm và nâng bậc lương trước hạn
năm 2020.

Hải Phòng, ngày **18** tháng 11 năm 2020

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị trong Trường.

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ về Hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Thực hiện công văn số 1356/ĐHHHVN-TCHC ngày 09/10/2010 về việc nâng bậc lương thường xuyên 6 tháng cuối năm và nâng bậc lương trước thời hạn năm 2020, Phòng Tổ chức-Hành chính (TC-HC) đã tổng hợp danh sách cán bộ, viên chức và người lao động đề nghị xét nâng bậc lương 6 tháng cuối năm và nâng bậc lương trước thời hạn năm 2020 của các đơn vị trong Trường.

Để đảm bảo công khai, khách quan, minh bạch trong công tác xét nâng bậc lương, Phòng TC-HC gửi bản Tổng hợp danh sách cán bộ, viên chức và người lao động đề nghị xét nâng bậc lương 6 tháng cuối năm và nâng bậc lương trước thời hạn năm 2020 của toàn Trường và đề nghị Thủ trưởng các đơn vị rà soát, đối chiếu lại các đối tượng trong bản Tổng hợp danh sách của đơn vị mình, đồng thời, đối chiếu lại các điều kiện, tiêu chuẩn của các đối tượng đề nghị nâng bậc lương, đặc biệt là đối tượng đề nghị xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc. Các ý kiến bổ sung, điều chỉnh thiếu sót của đối tượng được đề nghị nâng bậc lương đề nghị gửi về Phòng TC-HC trước 17h00 ngày 23/11/2020 (người phụ trách: chuyên viên Trần Ngọc Dung, email: tranngocdung@vimaru.edu.vn). Sau thời hạn trên, đơn vị không có ý kiến thì coi như đã thống nhất với Tổng hợp danh sách của Nhà trường.

Trân trọng! 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TC-HC.

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG TC-HC
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG, PT


Phạm Trọng Tài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Kèm theo công văn số: 1577 /ĐHHVN-TCHC ngày 18 tháng 11 năm 2020)

STT	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ	Mã ngạch	Bậc	Hệ số	Mức tính nâng bậc lương	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I. DS CB, VC, NLĐ đề nghị nâng bậc lương thường xuyên								
1	Vũ Thị Oanh	Phòng Tổ chức - Hành chính	Phó Trưởng phòng	01.003	7/9	4,32	01/11/2017	
2	Bùi Thị Kim Oanh	Phòng Tổ chức - Hành chính	Chuyên viên	01.003	5/9	3,66	01/07/2017	
3	Giang Anh Hoàng	Phòng Tổ chức - Hành chính	Lái xe cơ quan	01.010	7/12	3,13	01/08/2018	
4	Nguyễn Thị Hạnh	Phòng Tổ chức - Hành chính	Nhân viên phục vụ	01.009	2/12	1,18	01/07/2018	
5	Bùi Quốc Vũ	Phòng Đào tạo	Chuyên viên	01.003	5/9	3,66	01/11/2017	
6	Trần Tuấn Lương	Phòng Đào tạo	Chuyên viên	01.003	3/9	3,00	13/09/2017	
7	Nguyễn Anh Xuân	Phòng Đào tạo	Giảng viên	V.07.01.03	6/9	3,99	01/09/2017	
8	Hoàng Văn Thọ	Phòng Thanh tra và ĐBCL	Chuyên viên	01.003	1/9	2,34	01/12/2017	
9	Nguyễn Thế Cường	Phòng Công tác Sinh viên	Giảng viên	V.07.01.03	6/9	3,99	01/10/2017	
10	Lê Hồng Chinh	Phòng Quản trị-Thiết bị	Chuyên viên	01.003	3/9	3,00	01/11/2017	
11	Lê Văn Quyết	Phòng Quản trị-Thiết bị	Nhân viên	13.095	4/9	3,33	01/07/2017	
12	Nguyễn Đình Hải	Khoa Hàng hải	Giảng viên	V.07.01.03	6/9	3,99	01/12/2017	
13	Nguyễn Xuân Long	Khoa Hàng hải	Phó Trưởng BM	V.07.01.03	8/9	4,65	01/09/2017	
14	Quách Thanh Chung	Khoa Hàng hải	Giám đốc	V.07.01.03	8/9	4,65	01/11/2017	
15	Nguyễn Thành Lê	Khoa Hàng hải	Trưởng BM	V.07.01.03	6/9	3,99	01/08/2017	
16	Đoàn Tân Rường	Khoa Máy tàu biển	Giảng viên	V.07.01.03	3/9	3,00	23/08/2017	
17	Tô Trọng Hiền	Khoa Máy tàu biển	Giảng viên	V.07.01.03	3/9	3,00	23/08/2017	
18	Phạm Quốc Việt	Khoa Máy tàu biển	Giảng viên chính	V.07.01.02	6/8	6,10	01/10/2017	
19	Đỗ Thị Hiền	Khoa Máy tàu biển	Giảng viên	V.07.01.03	6/9	3,99	01/09/2017	
20	Nguyễn Tuấn Anh	Khoa Máy tàu biển	Giảng viên	V.07.01.03	4/9	3,33	08/08/2017	
21	Trương Tiến Phát	Khoa Máy tàu biển	Giảng viên	V.07.01.03	4/9	3,33	01/12/2017	
22	Trần Văn Thắng	Khoa Máy tàu biển	Giảng viên	V.07.01.03	4/9	3,33	04/11/2017	

1	2	3	4	5	6	7	8	9
23	Phạm Anh Đức	Khoa Máy tàu biển	Giảng viên	V.07.01.03	3/9	3,00	23/08/2017	
24	Nguyễn Xuân Trường	Khoa Máy tàu biển	Kỹ thuật viên HDTH	V.05.02.07	4/9	3,33	01/09/2017	
25	Đỗ Văn A	Khoa Điện - Điện tử	Giảng viên chính	V.07.01.02	6/8	6,10	01/11/2017	
26	Bùi Thanh Danh	Khoa Đóng tàu	Giảng viên	V.07.01.03	1/9	2,34	01/10/2017	
27	Bùi Thị Ngọc Mai	Khoa Đóng tàu	Giảng viên	V.07.01.03	3/9	3,00	30/09/2017	
28	Nguyễn Văn Hân	Khoa Đóng tàu	Giảng viên chính	V.07.01.02	6/8	6,10	01/11/2017	
29	Phạm Thị Thúy	Khoa Đóng tàu	Chuyên viên	01.003	5/9	3,66	01/10/2017	
30	Phạm Việt Hùng	Khoa Kinh tế	Phó Trưởng khoa	V.07.01.03	5/9	3,66	01/10/2017	
31	Phan Minh Tiến	Khoa Kinh tế	Giảng viên	V.07.01.03	1/9	2,34	01/12/2017	
32	Đoàn Thị Thu Hằng	Khoa Kinh tế	Giảng viên	V.07.01.03	2/9	2,67	20/10/2017	
33	Vũ Thanh Trung	Khoa Kinh tế	Phó Trưởng BM	V.07.01.03	3/9	3,00	30/09/2017	
34	Lê Sơn Tùng	Khoa Kinh tế	Giảng viên	V.07.01.03	3/9	3,00	18/10/2017	
35	Nguyễn Phong Nhã	Khoa Kinh tế	Giảng viên	V.07.01.03	4/9	3,33	01/12/2017	
36	Nguyễn Lê Mạnh Cường	Khoa Kinh tế	Phó Bí thư Đoàn TN	01.003	4/9	3,33	01/11/2017	
37	Hàn Huyền Hương	Khoa Kinh tế	Giảng viên	V.07.01.03	2/9	2,67	18/08/2017	
38	Nguyễn Thị Nha Trang	Khoa Kinh tế	Giảng viên	V.07.01.03	2/9	2,67	30/09/2017	
39	Tô Văn Tuấn	Khoa Quản trị-Tài chính	Phó Trưởng BM, PTBM	V.07.01.03	4/9	3,33	01/11/2017	
40	Lê Thanh Phương	Khoa Quản trị-Tài chính	Phó Trưởng BM	V.07.01.03	5/9	3,66	15/10/2017	
41	Bùi Thanh Tùng	Khoa Quản trị-Tài chính	Giảng viên chính	V.07.01.02	6/8	6,10	01/11/2017	
42	Hoàng Thị Phương Lan	Khoa Quản trị-Tài chính	Trưởng BM	V.07.01.03	7/9	4,32	01/09/2017	
43	Đỗ Thanh Tùng	Khoa Quản trị-Tài chính	Giảng viên	V.07.01.03	7/9	4,32	01/08/2017	
44	Nguyễn Đức Tâm	Khoa Quản trị-Tài chính	Giảng viên	V.07.01.03	1/9	2,34	20/10/2017	
45	Nguyễn Đức Bình	Viện Cơ khí	Giảng viên	V.07.01.03	2/9	2,67	20/10/2017	
46	Phạm Đình Bá	Viện Cơ khí	Giảng viên	V.07.01.03	4/9	3,33	08/08/2017	
47	Vũ Văn Duy	Viện Cơ khí	Trưởng BM	V.07.01.03	6/9	3,99	01/09/2017	
48	Vũ Thị Thu Trang	Viện Cơ khí	Giảng viên	V.07.01.03	3/9	3,00	01/07/2017	
49	Lê Văn Cương	Viện Cơ khí	Giảng viên chính	V.07.01.02	4/8	5,42	01/09/2017	
50	Lê Hải Bình	Khoa Công nghệ thông tin	Công tác sinh viên	13.095	3/9	3,00	18/10/2017	
51	Nguyễn Hữu Tuấn	Khoa Công nghệ thông tin	Trưởng khoa	V.07.01.03	6/9	3,99	01/08/2017	
52	Nguyễn Thị Vân	Khoa Công nghệ thông tin	Giảng viên	V.07.01.03	2/9	2,67	20/10/2017	

1	2	3	4	5	6	7	8	9
53	Hoàng Thị Thủy Hồng	Khoa Công nghệ thông tin	Kỹ thuật viên HDTT	V.05.02.07	3/9	3,00	11/11/2017	
54	Bùi Quốc Hưng	Khoa Lý luận chính trị	Trưởng BM	V.07.01.02	1/8	4,40	01/09/2017	
55	Phạm Thị Ngọc Hà	Khoa Cơ sở - Cơ bản	Giảng viên	V.07.01.03	5/9	3,66	04/11/2017	
56	Đặng Văn Thu Thủy	Khoa Cơ sở - Cơ bản	Giảng viên	V.07.01.03	3/9	3,00	20/12/2017	
57	Đỗ Thị Lam	Khoa Cơ sở - Cơ bản	Giảng viên	V.07.01.03	6/9	3,99	01/09/2017	
58	Phạm Thị Thanh	Khoa Cơ sở - Cơ bản	Giảng viên	V.07.01.03	6/9	3,99	01/10/2017	
59	Trần Bảo Ngọc Hà	Khoa Cơ sở - Cơ bản	Giảng viên	V.07.01.03	2/9	2,67	05/08/2017	
60	Nguyễn Hữu Dĩnh	Khoa Cơ sở - Cơ bản	Trưởng BM	V.07.01.03	5/9	3,66	01/11/2017	
61	Nguyễn Đình Quý	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	V.07.01.03	5/9	3,66	01/12/2017	
62	Hoàng Thị Thu Hà	Khoa Ngoại ngữ	Trưởng BM	V.07.01.03	8/9	4,65	01/09/2017	
63	Nguyễn Thị Thúy Thu	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	V.07.01.03	4/9	3,33	04/12/2017	
64	Vũ Thị Thúy	Khoa Ngoại ngữ	Phó Trưởng BM, PTBM	V.07.01.03	5/9	3,66	04/11/2017	
65	Bùi Đình Hoàn	Viện Môi trường	Giảng viên chính	V.07.01.02	1/8	4,40	01/12/2017	
66	Bùi Thị Huế	Viện Môi trường	Kỹ thuật viên HDTT	V.05.02.07	1/9	2,34	01/12/2017	
67	Trương Thị Hạnh	Viện Môi trường	Giảng viên	V.07.01.03	4/9	3,33	16/12/2017	
68	Đỗ Ngọc Bích	Viện Môi trường	Giáo vụ	01.003	1/9	2,34	01/10/2017	
69	Trần Minh Tuấn	Viện Đào tạo sau đại học	Chuyên viên	01.003	7/9	4,32	05/07/2017	
70	Đỗ Tất Mạnh	Viện Đào tạo sau đại học	Giảng viên	V.07.01.03	3/9	3,00	30/09/2017	
71	Nguyễn Cảnh Lam	Viện Đào tạo quốc tế	Phó Viện trưởng	V.07.01.03	4/9	3,33	01/12/2017	
72	Phạm Thị Bảo Nhung	Viện Đào tạo quốc tế	Kế toán trưởng	06.031	3/9	3,00	01/07/2017	
73	Đỗ Thị Thương	Viện Đào tạo quốc tế	Nhân viên	13.095	3/9	3,00	18/06/2017	
74	Đỗ Đức Lưu	Viện NC Khoa học và Công nghệ Hàng hải	Viện trưởng	V.07.01.01	2/6	6,56	01/11/2017	
75	Phạm Văn Triệu	Viện NC Khoa học và Công nghệ Hàng hải	Giảng viên	V.07.01.03	3/9	3,00	23/08/2017	
76	Đoàn Thị Thu Huyền	Viện NC Khoa học và Công nghệ Hàng hải	Phụ trách kế toán	06.031	3/9	3,00	28/07/2017	
77	Trần Tiến Thông	Viện NC Khoa học và Công nghệ Hàng hải	Kỹ thuật viên	13.095	4/9	3,33	26/12/2017	
78	Nguyễn Viết Thành	TT. Huấn luyện thuyền viên	Giám đốc	V.07.01.01	2/6	6,56	01/10/2017	
79	Phạm Văn Tân	TT. Huấn luyện thuyền viên	Trưởng BM	V.07.01.03	5/9	3,66	01/08/2019	
80	Vũ Huy Thắng	Thư viện	Giám đốc	V.10.02.06	5/9	3,66	01/07/2017	
81	Vũ Văn Hiệu	Thư viện	Chuyên viên	01.003	5/9	3,66	01/11/2017	
82	Nguyễn Văn Hà	Nhà xuất bản Hàng hải	Chuyên viên	01.003	5/9	3,66	01/11/2017	

1	2	3	4	5	6	7	8	9
83	Tô Thanh Tùng	Ban QLKNT SV HH QN	Phó Trưởng ban	01.003	8/9	4,65	19/12/2017	
84	Trần Thị Hoàn	CT. CP Giáo dục và Đào tạo QT HH	Nhân viên	13.095	3/9	3,00	20/10/2017	
85	Đào Thị Hoài	Trường Cao đẳng VMU	Chuyên viên	01.003	3/9	3,00	01/09/2017	
86	Nguyễn Trọng Dũng	Trường Cao đẳng VMU	Giáo viên	15113	4/9	3,33	01/07/2017	
87	Nguyễn Văn Học	Trường Cao đẳng VMU	Giáo viên	15113	4/9	3,33	01/12/2017	
88	Lê Xuân Hân	Trường Cao đẳng VMU	Giảng viên GDNN LT	V.09.02.03	3/9	3,00	01/08/2017	
89	Phạm Thị Minh Huyền	Trường Cao đẳng VMU	Giáo viên	15113	3/9	3,00	01/10/2017	
90	Hoàng Thị Phương Mai	Trường Cao đẳng VMU	Giảng viên GDNN LT	V.09.02.03	1/9	2,34	01/10/2017	
91	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Khoa Quản trị-Tài chính	Phó Trưởng BM, PTBM	V.07.01.02	1/8	4,40	01/09/2017	
92	Lương Nhật Hải	Khoa Quản trị-Tài chính	Giảng viên chính	V.07.01.02	6/8	6,10	01/11/2017	
93	Lê Văn Minh	Khoa Quản trị-Tài chính	Chuyên viên	01.003	3/9	3,00	18/10/2017	
94	Phạm Thị Ngà	Khoa Công trình	Giảng viên	V.07.01.03	4/9	3,33	01/10/2017	
95	Trần Đức Phú	Khoa Công trình	Trưởng BM	V.07.01.03	4/9	3,33	01/08/2017	
96	Phạm Minh Châu	Khoa Công trình	Giảng viên	V.07.01.03	3/9	3,00	01/11/2017	
97	Nguyễn Quang Huy	Khoa Công trình	Giảng viên	V.07.01.03	1/9	2,34	01/12/2017	
98	Vũ Thị Khánh Chi	Khoa Công trình	Giảng viên	V.07.01.03	4/9	3,33	01/11/2017	
99	Ngô Việt Anh	Khoa Công trình	Phó Bí thư Đoàn TN	V.07.01.03	1/9	2,34	01/12/2017	
100	Nguyễn Gia Khánh	Khoa Công trình	Giảng viên	V.07.01.03	2/9	2,67	01/10/2017	
101	Nguyễn Văn Minh	Khoa Công trình	Giảng viên	V.07.01.03	2/9	2,67	16/11/2017	
102	Trịnh Xuân Tùng	Viện Đào tạo chất lượng cao	Giảng viên	V.07.01.03	4/9	3,33	01/10/2017	
103	Vũ Kim Trang	Viện Đào tạo chất lượng cao	Kế toán trưởng	01.003	5/9	3,66	01/12/2017	
104	Phan Hải Hà	Viện Đào tạo chất lượng cao	Nhân viên	13.095	5/9	3,66	21/11/2017	
105	Nguyễn Quốc Doanh	Viện Đào tạo chất lượng cao	Nhân viên	13.095	3/9	3,00	05/10/2017	
106	Lưu Thành Công	TT. Huấn luyện thuyền viên	Giảng viên	V.07.01.03	7/9	4,32	01/10/2017	
107	Nguyễn Thị Hồng Thắm	TT. Giáo dục thể chất HH	Giảng viên	V.07.01.03	7/9	4,32	01/09/2017	
108	Phạm Văn Xương	TT. Giáo dục thể chất HH	Giảng viên	V.07.01.03	6/9	3,99	01/12/2017	
109	Trần Quốc Quân	Ban Quản lý Dự án HH	Nhân viên	13.095	4/9	3,33	15/04/2017	

1	2	3	4	5	6	7	8	9
II. DS CB, VC, NLĐ đề nghị nâng phụ cấp TNVK								
1	Trần Văn Thiện	Phòng Tổ chức - Hành chính	Nhân viên	01.007	12/12	3,63	01/12/2019	
2	Trần Thanh Bình	Khoa Hàng hải	Giảng viên	V.07.01.03	9/9	4,98	01/10/2019	
3	Võ Đình Anh	Khoa Máy tàu biển	Kỹ thuật viên	13.095	9/9	4,98	01/10/2018	
4	Trần Văn Định	Viện NC Khoa học và Công nghệ Hàng hải	Giảng viên	V.07.01.03	9/9	4,98	01/10/2019	
5	Nguyễn Văn Toán	TT. Cơ khí thực hành	Nhân viên	01.007	12/12	3,63	01/10/2019	
6	Phạm Văn Thịnh	TT. Cơ khí thực hành	Nhân viên	01.007	12/12	3,63	01/10/2019	
7	Phạm Minh Hải	TT Giáo dục Quốc phòng và An ninh	Chuyên trách tự vệ	01.011	12/12	3,48	01/10/2019	
8	Thái Thạch Huyền	Trạm Y tế	Y sĩ	16-119	12/12	4,06	01/08/2019	
9	Trần Thị Huế	Ban QLKNT SV HH QN	Nhân viên	01.009	12/12	2,98	01/07/2019	
10	Đỗ Hoàng Anh	Ban Bảo vệ	Phó Trưởng ban, PTB	01.011	12/12	3,48	01/10/2019	
11	Dương Văn Vịnh	Ban Bảo vệ	Nhân viên	01.011	12/12	3,48	01/12/2019	
12	Lê Xuân Nguyên	Ban Bảo vệ	Nhân viên	01.011	12/12	3,48	01/10/2019	
13	Nguyễn Mạnh Trường	Ban Bảo vệ	Nhân viên	01.011	12/12	3,48	01/10/2019	
14	Vũ Thị Hạnh	Ban Bảo vệ	Nhân viên	01.009	12/12	2,98	01/10/2019	
15	Đặng Thị Hương	Ban Bảo vệ	Nhân viên	01.009	12/12	2,98	01/10/2019	
16	Phạm Thị Thu Liễu	Ban Bảo vệ	Nhân viên	01.009	12/12	2,98	01/10/2019	
17	Nguyễn Thị Thanh Hường	CT. VTB & XKLD	Kế toán trung cấp	06.032	12/12	4,06	01/10/2019	
18	Nguyễn Đình Giới	Trường Cao đẳng VMU	Phó Hiệu trưởng	13.095	9/9	4,98	01/12/2019	

III. DS CB, VC, NLĐ đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn (68 người)								Thành tích để xét nâng bậc lương trước thời hạn	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Phạm Xuân Dương	Ban Giám hiệu	Hiệu trưởng	V.07.01.01	1/6	6,20	05/07/2018	BK Tổng LĐLĐVN 8/2019; Trên 2 năm CSTĐ +1 CSTĐ BTLQK3	
2	Nguyễn Minh Đức	Ban Giám Hiệu	Phó Hiệu trưởng	V.07.01.01	1/6	6,20	05/07/2018	2 năm CSTĐ	
3	Hoàng Văn Thủy	Đảng, CD, TN	Nguyên Phó Bí thư ĐU, Chủ tịch HĐQT CT ISALCO	V.07.01.02	7/8	6,44	01/11/2018	BK Thủ tướng 2016; Trên 2 năm CSTĐ	
4	Lê Kim Hoàn	Đảng, CD, TN	Phó CT CĐ Trường	01.002	4/8	5,42	01/05/2018	2 năm CSTĐ	
5	Phạm Huy Tùng	Phòng Tổ chức - Hành chính	Phó Trưởng phòng	V.07.01.02	1/8	4,40	01/04/2018	BKBT Bộ GTVT 2015; 2 năm CSTĐ	
6	Lê Xuân Kim	Phòng Đào tạo	Chuyên viên	01.003	9/9	4,98	01/01/2018	Trên 15 năm LĐTT	
7	Nguyễn Thanh Sơn	Phòng Thanh tra và ĐBCL	Trưởng phòng	V.07.01.03	6/9	3,99	01/05/2018	2 năm CSTĐ	
8	Lại Huy Thiện	Phòng Quản trị-Thiết bị	Trưởng phòng	01.003	8/9	4,65	01/11/2018	2 năm CSTĐ; GK BV LATS đúng hạn	
9	Lê Thị Hiền	Phòng Khoa học - Công nghệ	Chuyên viên	01.003	7/9	4,32	01/11/2018	Trên 15 năm LĐTT	
10	Nguyễn Thái Dương	Khoa Hàng hải	Phó Trưởng khoa	V.07.01.02	5/8	5,76	01/01/2018	2 năm CSTĐ	
11	Nguyễn Quang Duy	Khoa Hàng hải	Giảng viên	V.07.01.03	3/9	3,00	04/05/2018	GK BV LATS đúng hạn	
12	Lương Tú Nam	Khoa Hàng hải	Giảng viên	V.07.01.03	3/9	3,00	04/05/2018	GK BV LATS đúng hạn	
13	Đỗ Văn Cường	Khoa Hàng hải	Giảng viên	V.07.01.03	3/9	3,00	04/05/2018	GK BV LATS đúng hạn	
14	Nguyễn Trí Minh	Khoa Máy tàu biển	Trưởng khoa	V.07.01.02	6/8	6,10	01/10/2018	Trên 2 CSTĐ	
15	Lưu Quang Hiệu	Khoa Máy tàu biển	Giảng viên	V.07.01.03	4/9	3,33	01/11/2018	BV LATS đúng hạn + 1 CSTĐ	
16	Nguyễn Anh Việt	Khoa Máy tàu biển	Phó Trưởng khoa	V.07.01.02	7/8	6,44	01/11/2018	2 năm CSTĐ	
17	Nguyễn Ngọc Hoàng	Khoa Máy tàu biển	Giảng viên chính	V.07.01.02	6/8	6,10	01/11/2018	Trên 15 năm LĐTT	
18	Đỗ Ngọc Toàn	Khoa Máy tàu biển	Phó Trưởng BM	V.07.01.02	6/8	6,10	01/11/2018	Trên 15 năm LĐTT	
19	Nguyễn Ngọc Sơn	Khoa Điện - Điện tử	Giảng viên chính	V.07.01.02	6/8	6,10	01/11/2018	Trên 15 năm LĐTT	
20	Phan Đăng Đào	Khoa Điện - Điện tử	Giảng viên chính	V.07.01.02	6/8	6,10	01/11/2018	Trên 15 năm LĐTT	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
21	Nguyễn Tất Dũng	Khoa Điện - Điện tử	Giảng viên	V.07.01.02	6/8	6,10	01/11/2018	LĐ nghỉ hưu 2021	
22	Lục Thị Thu Hương	Khoa Điện - Điện tử	Công tác sinh viên	01.003	5/9	3,66	01/10/2018	15 LĐT	
23	Nguyễn Thị Thanh Châm	Khoa Đóng tàu	Chuyên viên	01.003	5/9	3,66	01/05/2018	15 LĐT	
24	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	Khoa Đóng tàu	Phó Trưởng BM	V.07.01.02	1/8	4,40	01/04/2018	2 năm CSTĐ	
25	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Kinh tế	Giảng viên	V.07.01.03	2/9	2,67	20/11/2018	2 năm CSTĐ	
26	Nguyễn Thị Thanh Bình	Khoa Kinh tế	Giảng viên	V.07.01.03	6/9	3,99	01/03/2018	15 LĐT	
27	Huỳnh Ngọc Oánh	Khoa Kinh tế	Giảng viên chính	V.07.01.02	6/8	6,10	01/11/2018	Trên 15 năm LĐT	
28	Phạm Thế Hưng	Khoa Kinh tế	Giảng viên chính	V.07.01.02	6/8	6,10	01/11/2018	LĐ Nghỉ hưu 2021	
29	Nguyễn Minh Đức	Khoa Kinh tế	Trưởng BM	V.07.01.03	4/9	3,33	09/05/2018	2 năm CSTĐ	
30	Đỗ Thị Mai Thơm	Khoa Quản trị-Tài chính	Phó Trưởng khoa	V.07.01.01	1/6	6,20	05/07/2018	2 năm CSTĐ	
31	Vũ Lê Ninh	Khoa Quản trị-Tài chính	Giảng viên chính	V.07.01.02	6/8	6,10	01/11/2018	15 LĐT 25	
32	Đào Văn Thi	Khoa Quản trị-Tài chính	Giảng viên	V.07.01.03	4/9	3,33	01/06/2018	GK BV LATS đúng hạn	
33	Mai Khắc Thành	Khoa Quản trị-Tài chính	Phó Trưởng khoa	V.07.01.02	1/8	4,40	01/04/2018	2 năm CSTĐ	
34	Đỗ Thị Bích Ngọc	Khoa Quản trị-Tài chính	Giảng viên	V.07.01.03	7/9	4,32	14/09/2018	2 năm CSTĐ	
35	Nguyễn Tiến Dũng	Viện Cơ khí	Trưởng BM	V.07.01.02	1/8	4,40	01/04/2018	Trên 2 CSTĐ	Sinh con T3 năm 2015
36	Bùi Thị Diệu Thúy	Viện Cơ khí	Giảng viên	V.07.01.03	7/9	4,32	01/12/2018	15 LĐT	
37	Cao Ngọc Vi	Viện Cơ khí	Giảng viên	V.07.01.03	5/9	3,66	01/10/2018	GK BV LATS đúng hạn	
38	Trần Thị Thanh Vân	Viện Cơ khí	Giảng viên	V.07.01.02	1/8	4,40	01/04/2018	15 LĐT	
39	Vũ Quang Việt	Khoa Công trình	Giảng viên	V.07.01.03	3/9	3,00	25/02/2018	GK BV LATS đúng hạn	
40	Phạm Văn Trung	Khoa Công trình	Phó Trưởng khoa	V.07.01.03	6/9	3,99	01/06/2018	2 năm CSTĐ	
41	Lê Thị Xuân Hường	Khoa Công nghệ thông tin	Giáo vụ Khoa	13.095	8/9	4,65	01/10/2018	15 LĐT	
42	Nguyễn Đồng Sỹ	Khoa Công nghệ thông tin	Kỹ thuật viên HDTH	V.05.02.07	6/9	3,99	01/01/2018	15 LĐT	
43	Trần Thị Hương	Khoa Công nghệ thông tin	Trưởng BM	V.07.01.03	5/9	3,66	01/05/2018	2 năm CSTĐ	
44	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Công nghệ thông tin	Kỹ thuật viên	13.095	8/9	4,65	01/05/2018	15 LĐT	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
45	Phạm Thị Thu	Khoa Lý luận chính trị	Giảng viên	V.07.01.03	6/9	3,99	01/01/2018	2 năm CSTĐ	
46	Mạc Văn Nam	Khoa Lý luận chính trị	Phó Trưởng khoa	V.07.01.02	5/8	5,76	01/01/2018	1 BK BT, 4 CSTĐ	
47	Phan Duy Hòa	Khoa Lý luận chính trị	Trưởng BM	V.07.01.02	1/8	4,40	01/04/2018	2 năm CSTĐ	Sinh con T3 năm 2017
48	Nguyễn Văn	Khoa Cơ sở - Cơ bản	Giảng viên	V.07.01.03	4/9	3,33	09/06/2018	2 năm CSTĐ	
49	Vũ Tuấn Anh	Khoa Cơ sở - Cơ bản	Giảng viên	V.07.01.03	3/9	3,00	15/06/2018	2 năm CSTĐ	
50	Nguyễn Văn Minh	Khoa Cơ sở - Cơ bản	Giảng viên	V.07.01.03	5/9	3,66	25/12/2018	GK BV LATS đúng hạn	
51	Vũ Quyết Thắng	Khoa Cơ sở - Cơ bản	Phó Trưởng khoa	V.07.01.02	5/8	5,76	01/01/2018	2 năm CSTĐ	
52	Lê Thị Thùy Dương	Khoa Cơ sở - Cơ bản	Giảng viên	V.07.01.03	5/9	3,66	28/06/2018	15 LĐT	
53	Đỗ Thị Phương Lan	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	V.07.01.03	7/9	4,32	01/10/2018	15 LĐT	
54	Trần Hữu Long	Viện Môi trường	Phó Viện trưởng	V.07.01.02	1/8	4,40	01/04/2018	Trên 2 CSTĐ	
55	Phạm Thị Dương	Viện Môi trường	Trưởng BM	V.07.01.02	1/8	4,40	01/04/2018	Trên 2 CSTĐ	
56	Phạm Văn Phước	TT. Huấn luyện thuyền viên	Giảng viên chính	V.07.01.02	5/8	5,76	01/11/2018	LĐ nghỉ hưu 2021	
57	Vũ Đức Vinh	TT. Giáo dục thể chất HH	Giảng viên	V.07.01.03	4/9	3,33	15/09/2018	GK BV LATS đúng hạn	
58	Nguyễn Tuấn Anh	TT. Cơ khí thực hành	Phó Giám đốc	V.05.02.07	6/9	3,99	01/11/2018	15 LĐT	
59	Nguyễn Thị Thanh Mai	TT Ứng dụng và PT CNTT	Chuyên viên	01.003	6/9	3,99	01/01/2018	15 LĐT	
60	Trần Anh Tuấn	TT. Đào tạo và tư vấn KHCN bảo vệ môi trường thủy	Giám đốc	V.07.01.02	1/8	4,40	01/04/2018	2 năm CSTĐ	
61	Phạm Thị Hường	Thư viện	Chuyên viên	01.003	7/9	4,32	01/10/2018	15 LĐT	
62	Lê Thị Huyền	Thư viện	Nhân viên	13.096-Ao	7/10	3,96	01/05/2018	2 năm CSTĐ	
63	Phan Viết Đức	Trạm Y tế	Trưởng trạm	V.08.01.02	1/8	4,40	01/01/2018	BK BT 2016; 2 CSTĐ	Sinh con Thứ 3 2017
64	Trần Thị Xuân	CT. CP Giáo dục và Đào tạo QT HH	Giám đốc	01.003	5/9	3,66	01/05/2018	2 năm CSTĐ	
65	Nguyễn Thị Hồng Lê	Trường Cao đẳng VMU	Giảng viên GDNN LT	V.09.02.03	4/9	3,33	01/07/2018	2 năm CSTĐ	
66	Từ Mạnh Chiến	Trường Cao đẳng VMU	Giảng viên	V.07.01.03	5/9	3,66	01/10/2018	2 năm CSTĐ	
67	Lê Đình Chung	Trường Cao đẳng VMU	Giáo viên	15113	5/9	3,66	01/11/2018	2 năm CSTĐ	
68	Đỗ Thu Huyền	Trường Cao đẳng VMU	Giảng viên GDNN LT	V.09.02.03	3/9	3,00	01/11/2018	2 năm CSTĐ	